

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Màu

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Kim Rith Thia R**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Đường TVB, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn D**, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Đường SV, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25-12-2018, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Kim Rith Thia R là nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2009, chị R và anh D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Trong thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không quan tâm chăm sóc gia đình, không cung cấp tiền lương để nuôi con, chỉ biết ăn nhậu, có rượu vào là về nhà gây chuyện, thường xuyên cãi nhau, không còn thương yêu nhau. Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài thêm được

nữa. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị R và anh D có 03 người con chung là cháu Trần Minh Q (nam, sinh ngày 07-6-2011), cháu Trần Minh Q1 (nam, ngày 12-11-2012) và cháu Q2 (nam, sinh ngày 04-10-2018) hiện nay đang sống chung với chị R. Sau khi ly hôn, chị R muốn trực tiếp nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị R và anh D có tài sản chung. Sau khi ly hôn, bà R và ông D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên phiên hòa giải ngày 26-02-2019, tại bản trình bày ý kiến ngày 24-01-2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Trần Văn D là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với trình bày của chị R về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Tình cảm vợ chồng ngày một giảm dần. Tuy nhiên, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tiêu xài cá nhân không tính toán, không bàn bạc, vợ chồng thường xuyên thâm hụt trong chi tiêu sinh hoạt gia đình. Nay Tòa đã hòa giải hàn gắn không thành anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có ba người con chung như chị R trình bày. Nay vợ chồng ly hôn, anh D xin nuôi hai con lớn là Trần Minh Q, Trần Minh Q1 và không yêu cầu cấp dưỡng. Anh đồng ý giao bé nhỏ Q2 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Sau khi cưới, cha mẹ có cho vợ chồng một số tài sản, nhưng vợ tự định đoạt và tiêu xài hết, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung, sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị R được ly hôn anh D;

+ Về con chung và cấp dưỡng: Giao 03 người con là cháu Trần Minh Q (nam, sinh ngày 07-6-2011), cháu Trần Minh Q1 (nam, ngày 12-11-2012) và cháu Q2 (nam, sinh ngày 04-10-2018) cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào trình bày của các đương sự, Kiểm sát viên và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Rith Thia R với anh Trần Văn D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 21-10-2009. Quan hệ hôn nhân giữa chị R với anh D là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2012 anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh D không quan tâm chăm sóc gia đình, không cung cấp tiền để nuôi con, chỉ biết ăn nhậu, có rượu vào là về nhà gây chuyện, thường xuyên cãi nhau, không còn thương yêu nhau. Chị R không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với anh D. Tòa án đã tiến hành hòa giải để anh chị khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, đoàn tụ hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy con. Nhưng chị R có đơn yêu cầu sớm xét xử cho ly hôn với anh D. Còn anh D do hòa giải hàn gắn không thành nên cũng đồng ý ly hôn với chị R. Thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị R.

[2] Về con và cấp dưỡng: Chị R với anh D có ba người con chung là cháu Trần Minh Q (nam, sinh ngày 07-6-2011), cháu Trần Minh Q1 (nam, ngày 12-11-2012) và cháu Q2 (nam, sinh ngày 04-10-2018). Thấy, Anh D làm bảo vệ của trường học, thu nhập từ lương thấp, phần lớn thời gian là trực ở trường, nhưng anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu lớn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý giao cháu Q2 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng không đồng ý cấp dưỡng. Chị R là giáo viên, có việc làm ổn định, từ khi mâu thuẫn vợ chồng đến nay, ba người con đều do chị R trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không cung cấp tiền để nuôi con, nhưng chị vẫn đảm bảo nuôi con được tốt. Nay chị R yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người

con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của cháu Q tại biên bản lấy ý kiến ngày 26-02-2019 thì cháu muốn được mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị R. Anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu đối với tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung, anh chị đều khai không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm đ Khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Rith Thia R được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về con: Giao các cháu Trần Minh Q (nam, sinh ngày 07-6-2011), cháu Trần Minh Q1 (nam, ngày 12-11-2012) và cháu Q2 (nam, sinh ngày 04-10-2018) cho chị Kim Rith Thia R trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Kim Rith Thia R phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị R đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004871 ngày 11-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, chị R đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Vũ Huy Hoàng